

## PHỤ LỤC SỐ 01

**Danh mục các Nghị quyết đăng ký trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 4 năm 2026**  
(Kèm theo Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên văn bản đăng ký	Sự cần thiết ban hành	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	Cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc cơ quan trình	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Thời hạn trình thông qua/ban hành	Ghi chú
<b>I. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH: 02 Nghị quyết</b>							
1	Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (xử lý Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum)	Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (mới) đang tồn tại hai Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, cụ thể: Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và Nghị quyết số 81/2024/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 của HĐND tỉnh Kon Tum (cũ). Để đảm bảo thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (mới), cần trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết	- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai; - Đối tượng áp dụng: UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 04/2026	Theo trình tự, thủ tục rút gọn

			dụng đất theo quy định				
2	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>)</p>	<p>Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được xây dựng trên cơ sở Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Tuy nhiên, ngày 29/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 346/2025/NĐ-CP Quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 và Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ; theo đó, tại khoản 1 Điều 9 và điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ Quy định: "<i>Tổ chức cung cấp nước sạch được để lại 10% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch phù hợp với điều kiện, chi phí thực tế tại địa phương nhưng tối đa không quá 10%</i>". Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</p>	<p>- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định tỷ lệ để lại về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</p> <p>- Đối tượng áp dụng: Tổ chức cung cấp nước sạch; Các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp và quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải</p>	Sở Tài chính	<p>Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh</p>	<p>Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 04/2026</p>	<p>Theo trình tự, thủ tục rút gọn</p>

		trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thay thế Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh là cần thiết					
<b>II. LĨNH VỰC TƯ PHÁP: 02 Nghị quyết</b>							
3	Nghị quyết của của HĐND tỉnh quy định mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ( <i>xử lý Nghị quyết số 74/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum</i> )	<p>Để triển khai thực hiện quy định theo điểm b khoản 1 Điều 25 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây: <i>Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.</i> Khoản 3 Điều 39 Nghị định 121/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp “<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật. Trường hợp bố trí được nguồn ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định áp dụng mức hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cao hơn để khuyến khích, thu hút tư vấn viên pháp luật và hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>”.</p> <p>Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp</p>	<p><b>1. Phạm vi điều chỉnh:</b> Quy định về mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p><b>2. Đối tượng áp dụng:</b> Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.</p>	Sở Tư pháp	Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Kỳ họp tháng 4 của HĐND tỉnh	Theo trình tự, thủ tục rút gọn

nhỏ và vừa “*Kinh phí bảo đảm cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do **ngân sách nhà nước đảm bảo**, được bố trí trong **dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm** trên cơ sở kế hoạch triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.*

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định 55/2019/NĐ-CP quy định “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành chính sách về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; **bảo đảm nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa**”.*

Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 74/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 quy định mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, Nghị quyết số 74/2021/NQ-HĐND ngày 14/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum không quy định mức chi hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật. Đối với nhiệm vụ này, tỉnh Quảng Ngãi (cũ) chưa ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật mà áp dụng trực tiếp quy định

	<p>tại Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các biện pháp liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chủ yếu thông qua các Kế hoạch, văn bản hàng năm hoặc theo yêu cầu thực tiễn.</p> <p>Hiện nay, thực hiện chủ trương tại Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) và Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh nên một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 74/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Kon Tum không còn phù hợp với thực tiễn tại địa phương, vì nhiều văn bản viện dẫn áp dụng tại Nghị quyết này đã thay đổi và chưa tạo cơ sở pháp lý theo quy định để UBND tỉnh triển khai thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp</p>					
--	---	--	--	--	--	--

		<p>trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.</p> <p>Do đó, việc UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự thủ tục rút gọn là cần thiết và đảm bảo phù hợp về thẩm quyền.</p>					
4	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (<i>xử lý Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>)</p>	<p>Thực hiện quy định của Luật Phí và Lệ phí và Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>Hiện nay thực hiện chủ trương tại Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban</p>	<p><b>1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Nghị quyết quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do các cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh thực hiện.</p> <p><b>2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin</p>	Sở Tư pháp	Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 04/2026	Theo trình tự, thủ tục rút gọn

		<p>Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) và Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh nên một số nội dung quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) không còn phù hợp với thực tiễn tại địa phương. Đồng thời, để triển khai thực hiện Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp và tạo sự thống nhất, đồng bộ và phù hợp với điều kiện mới sau sáp nhập nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết và đảm bảo phù hợp về thẩm quyền.</p>	<p>về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.</p> <p>b) Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi; các Chi nhánh trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p>c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm, phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.</p>				
--	--	--	---	--	--	--	--

**Tổng số: 04 nghị quyết**